TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng

2.Bà Đỗ Thị Liêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1997.
Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
Tạm trú tại: Tổ 19, thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.
- Bị đơn: Anh Hồ Nguyên L, sinh năm: 1988
Trú tại: Tổ 5, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
(Nguyên đơn chị N có mặt; bị đơn anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Hồ Nguyên L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2017. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chồng chị anh N không lo làm ăn mà ham chơi cờ bạc, nghiện game, nghiện ma túy đá rồi đánh đập chị N. Chị N đã cố gắng chịu đựng và nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không thay đổi. Sau đó chị có nói với gia đình chồng và đưa con về nhà cha mẹ ruột của mình sống hơn 01 năm nay, thỉnh

thoảng anh L có gọi điện chứ không đến thăm con. Hiện nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn thương yêu nhau.Vợ, chồng phần ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị N xin được ly hôn với anh Hồ Nguyên L.

- Về con chung: Chị N khai vợ chồng chị và anh L có 01 con chung tên là: Hồ Gia H, sinh ngày 19/12/2018;

Nếu ly hôn nguyện vọng của chị N là xin được nuôi con chung đến khi 18 tuổi, trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị N khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Hồ Nguyên L không đến Tòa, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh N.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Hồ Nguyên L cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ N, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Hồ Nguyên L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ N vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đãtống đạt cho người nhà bị đơn, niêm yết tại nhà của bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có N do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Hồ Nguyên L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/4/2017 nên xác định chị N

và anh L là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không lo cho gia đình ham chơi cờ bạc, nghiện game và nghiện ma túy nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh L thường đánh đập chị N nên anh chị đã sống ly thân nhau. Chị N đưa con về nhà cha mẹ ruột của mình sống hơn 01 năm nay.Vợ chồng phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng anh L không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích N xin được ly hôn với anh Hồ Nguyên L.

[3] Về con chung: Xác định trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh L có 01 con chung tên là: Hồ Gia H, sinh ngày 19/12/2018;

Nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi cháu H đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do bị đơn anh Hồ Nguyên L vắng mặt, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh L có muốn nuôi con hay không. Trong khi cháu H còn nhỏ và hiện đang được chị N nuôi dưỡng kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau tại nhà cha mẹ của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy anh L thực sự không mong muốn được nuôi con, không đến Tòa án để có lời trình bày nên không thể giao con cho anh L nuôi dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lại thu số 0005570 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản N và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N. Chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với anh Hồ Nguyên L.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

- Xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích N và anh Hồ Nguyên L có 01 con chung tên là: Hồ Gia H, sinh ngày 19/12/2018.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N, giaocháu: Hồ Gia H, sinh ngày 19/12/2018cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành.Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị N khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lại thu số 0005570 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND Huyện.T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành